





A member of  International

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến,
Tp Biên Hòa, Đồng Nai

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 -05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-33



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến,
Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai là doanh nghiệp nhà nước được chuyển đổi theo Quyết định số 3107/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2005 về việc "Phê duyệt phương án và chuyển Công ty Dược phẩm Đồng Nai thành Công ty Cổ phần". Công ty đăng ký hoạt động lần đầu theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4703000293 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 12 năm 2005; Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế số 3600248086 cấp lần thứ 6 ngày 25 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến, Tp Biên Hòa, Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Cao Nhơn	Chủ tịch
Bà Đỗ Thị Nga	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Trí	Ủy viên
Ông Hoàng Văn Phục	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đỗ Thị Nga	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng ban
Bà Trần Thị Mỹ Lệ	Thành viên
Bà Mai Thị Thế	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM SOÁT
AS
KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến,
Tp Biên Hòa, Đồng Nai

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Nga
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 03 năm 2017

HAN
OAN
HAY

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai được lập ngày 10 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS). Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 30 tháng 3 năm 2016.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Bùi Văn Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0522-13-002-1

Trần Hà Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2284-2013-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		52.940.470.108	55.534.010.387
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.337.240.265	1.933.335.372
111	1. Tiền		1.337.240.265	1.933.335.372
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		21.297.730.535	25.994.868.396
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	20.006.291.147	25.823.936.396
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.167.150.388	100.296.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	124.289.000	70.636.000
140	IV. Hàng tồn kho	8	29.675.049.286	27.559.710.482
141	1. Hàng tồn kho		29.675.049.286	27.559.710.482
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		630.450.022	46.096.137
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	318.705.330	44.521.498
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		311.744.692	1.574.639
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		17.277.467.952	18.342.501.451
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		56.510.180	56.510.180
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	56.510.180	56.510.180
220	II. Tài sản cố định		16.764.404.496	17.989.211.445
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	16.764.404.496	17.989.211.445
222	- Nguyên giá		40.140.749.355	39.697.749.355
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(23.376.344.859)	(21.708.537.910)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	11.400.000	11.400.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.400.000	11.400.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		445.153.276	285.379.826
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	445.153.276	285.379.826
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		70.217.938.060	73.876.511.838

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến,
Tp Biên Hòa, Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		40.217.369.348	44.362.499.983
310	I. Nợ ngắn hạn		39.922.619.348	44.112.249.983
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	25.432.591.362	35.447.462.405
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	807.711.617	2.657.646.103
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	155.667.611	133.834.338
314	4. Phải trả người lao động		2.396.777.175	1.924.649.228
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	699.026.524	440.709.779
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	5.748.559.917	1.291.587.515
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	4.623.325.943	2.215.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		58.959.199	1.360.615
330	II. Nợ dài hạn		294.750.000	250.250.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	294.750.000	250.250.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		30.000.568.712	29.514.014.855
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	29.921.259.575	29.434.702.718
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		19.854.470.000	19.854.470.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		19.854.470.000	19.854.470.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		2.917.157.439	2.917.157.439
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.015.161.193	2.667.312.609
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.134.470.943	3.995.762.670
421a	LNST chưa phân phối lấy kể đến cuối năm trước		617.984.402	517.276.835
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		3.516.486.541	3.478.485.835
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		79.309.137	79.309.137
431	1. Nguồn kinh phí		79.309.137	79.309.137
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		70.217.938.060	73.876.511.838

Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập

Phạm Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Nga
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	147.791.279.378	169.709.730.679
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	1.756.309.222	559.623.790
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		146.034.970.156	169.150.106.889
11	4. Giá vốn hàng bán	21	126.683.922.288	149.517.675.091
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.351.047.868	19.632.431.798
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	401.926.625	133.276.565
22	7. Chi phí tài chính	23	463.652.939	2.179.885.687
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		239.182.908	429.406.177
25	8. Chi phí bán hàng	24	7.981.731.621	6.387.607.464
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	7.167.450.281	7.194.834.530
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.140.139.652	4.003.380.682
31	11. Thu nhập khác	26	368.333.477	477.046.903
32	12. Chi phí khác	27	68.607.864	43.589.950
40	13. Lợi nhuận khác		299.725.613	433.456.953
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.439.865.265	4.436.837.635
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	923.378.724	958.351.798
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>3.516.486.541</u>	<u>3.478.485.837</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	1.771	1.752


Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập

Phạm Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởngĐỗ Thị Nga
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		156.615.693.274	167.990.309.024
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(136.390.510.041)		(147.090.316.089)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(10.280.955.477)		(10.076.368.138)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	(239.182.908)		(429.406.177)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(908.645.451)		(192.147.410)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	2.265.830.060		5.689.246.678
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(11.268.241.168)		(11.337.810.915)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(206.011.711)</i>	<i>4.553.506.973</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(443.000.000)	(108.293.825)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	20.909.090
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(1.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	1.500.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		19.451.260	37.743.540
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(423.548.740)</i>	<i>(49.641.195)</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		11.273.325.943	8.000.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(8.865.000.000)	(12.785.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.374.894.285)	(2.349.313.380)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>33.431.658</i>	<i>(7.134.313.380)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>(596.128.793)</i>	<i>(2.630.447.602)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.933.335.372	4.563.341.367
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		33.686	441.607
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>1.337.240.265</u>	<u>1.933.335.372</u>


Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập

Phạm Thị Thanh Thủy
* Kế toán trưởng

Đỗ Thị Nga
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai là doanh nghiệp nhà nước được chuyển đổi theo Quyết định số 3107/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2005 về việc "Phê duyệt phương án và chuyển Công ty Dược phẩm Đồng Nai thành Công ty Cổ phần". Công ty đăng ký hoạt động lần đầu theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4703000293 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 12 năm 2005; Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế số 3600248086 cấp lần thứ 6 ngày 25 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến, Tp Biên Hòa, Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 19.854.470.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 19.854.470.000 đồng; tương đương 1.985.447 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh dược phẩm

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán và xuất khẩu trực tiếp dược phẩm, mỹ phẩm, thuốc thực phẩm, nguyên phụ liệu, vật tư và thiết bị ngành y tế, sinh phẩm y tế;
- Bán buôn, bán lẻ dược phẩm, các sản phẩm mỹ phẩm, thuốc thực phẩm, vật tư thiết bị ngành y tế, nguyên liệu và bao bì phục vụ cho việc kinh doanh thuốc;
- Đầu tư kinh doanh nuôi trồng và chế biến các loại cây làm thuốc;
- Cho thuê văn phòng;
- Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai;

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Long Thành	Đồng Nai	Buôn bán Dược phẩm
Bộ phận bán hàng Biên Hòa	Đồng Nai	Buôn bán Dược phẩm
Bộ phận bán hàng Định Quán	Đồng Nai	Buôn bán Dược phẩm
Bộ phận bán hàng Xuân Lộc	Đồng Nai	Buôn bán Dược phẩm
Bộ phận bán hàng Long Khánh	Đồng Nai	Buôn bán Dược phẩm
Chi nhánh Trảng Bom	Đồng Nai	Buôn bán Dược phẩm
Bộ phận bán hàng Vĩnh Cửu	Đồng Nai	Buôn bán Dược phẩm

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuế tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuế tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lãi phát sinh khi bán ngoại tệ, lãi tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Đối với hoạt động kinh doanh bình thường, Công ty được hưởng ưu đãi do cổ phần hóa bằng 20% (từ năm 2006 đến năm 2015).

Đối với hoạt động đầu tư dự án mới, Công ty được miễn 01 năm (năm 2007) kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ hoạt động đầu tư và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	176.584.603	125.498.564
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.160.655.662	1.807.836.808
	<u>1.337.240.265</u>	<u>1.933.335.372</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Y dược phẩm Việt Nam hạn	11.400.000	-	11.400.000	-
	<u>11.400.000</u>	<u>-</u>	<u>11.400.000</u>	<u>-</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH Rose Pharma	5.601.507.815	-
- Công ty Dược Phẩm Tín Đức	2.762.841.853	-
- Công Ty TNHH Thương Mại và Đầu Tư Đồng Tân	1.292.486.778	-
- Công Ty TNHH Dược Phẩm Thiên Sơn	830.732.461	2.513.133.257
- Bệnh viện Đa Khoa Đồng Nai	1.037.714.508	-
- Công Ty TNHH Dược Phẩm Tâm Minh	636.469.844	-
- Công Ty TNHH MTV 120 Amepharco	-	3.166.037.773
- Công Ty TNHH Minh Anh	-	7.193.973.827
- Công ty Dược phẩm Hoài Phương	-	2.518.581.240
- Các khoản phải thu khách hàng khác	7.844.537.888	10.432.210.299
	<u>20.006.291.147</u>	<u>25.823.936.396</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến,
Tp Biên Hòa, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Rusole Leitz	489.877.500	-	-	-
Công ty Growena Impex	351.781.050	-	-	-
Công ty CP TAA	268.000.000	-	68.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	57.491.838	-	32.296.000	-
	1.167.150.388	-	100.296.000	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	124.289.000	-	70.636.000	-
	124.289.000	-	70.636.000	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	56.510.180	-	56.510.180	-
	56.510.180	-	56.510.180	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3.113.646.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	13.251.505.164	-	9.994.614.252	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.922.873.005	-	3.364.602.850	-
Thành phẩm	4.971.494.440	-	5.877.454.233	-
Hàng hoá	3.438.210.860	-	6.210.849.420	-
Hàng gửi đi bán	2.977.319.817	-	2.112.189.727	-
	29.675.049.286	-	27.559.710.482	-

110
NG T
IỂM
KIỂM
AS
IỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến,
Tp Biên Hòa, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	13.052.050.828	25.426.298.464	1.008.004.182	211.395.881	39.697.749.355
- Mua trong năm	-	443.000.000	-	-	443.000.000
Số dư cuối năm	13.052.050.828	25.869.298.464	1.008.004.182	211.395.881	40.140.749.355
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.882.421.274	14.965.747.623	789.099.283	71.269.730	21.708.537.910
- Khấu hao trong năm	397.391.065	1.198.804.753	44.523.030	27.088.101	1.667.806.949
Số dư cuối năm	6.279.812.339	16.164.552.376	833.622.313	98.357.831	23.376.344.859
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	7.169.629.554	10.460.550.841	218.904.899	140.126.151	17.989.211.445
Tại ngày cuối năm	6.772.238.489	9.704.746.088	174.381.869	113.038.050	16.764.404.496

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 14.878.000.000 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.857.834.101 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến,
Tp Biên Hòa, Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	305.436.533	20.979.733
Chi phí bảo hiểm	13.268.797	23.541.765
	318.705.330	44.521.498
b) Dài hạn		
Chi phí CCDC xuất dùng	445.153.276	285.379.826
	445.153.276	285.379.826

11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Thương mại Dược phẩm Hoa Ban	-	2.291.854.886
Công ty TNHH SX-TM Dược phẩm Thành Nam	491.752.800	-
Hiệu Thuốc 45-Công ty CP Dược Phẩm Quận 3	227.248.081	173.253.160
Các khoản trả trước khác	88.710.736	192.538.057
	807.711.617	2.657.646.103

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến,
Tp Biên Hòa, Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Dược Hoài Phương	6.550.779.536	6.550.779.536	948.937.499	948.937.499
- Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	1.201.244.510	1.201.244.510	1.918.266.429	1.918.266.429
- Công ty TNHH Hóa dược Minh Anh	1.502.192.474	1.502.192.474	10.390.679.481	10.390.679.481
- CSPC Innovation Pharmaceutical	1.327.226.250	1.327.226.250	5.172.480.014	5.172.480.014
- Saehan pharm Co Ltd	1.973.272.140	1.973.272.140	-	-
- Công ty SIC Borshchahhivskiy CPPP (ukrain3)	2.965.972.500	2.965.972.500	-	-
- Develing Trade B.V	1.339.758.000	1.339.758.000	-	-
- Global Calcium private Limited	-	-	6.214.672.484	6.214.672.484
- Phải trả cho các đối tượng khác	8.572.145.952	8.572.145.952	10.802.426.498	10.802.426.498
	25.432.591.362	25.432.591.362	35.447.462.405	35.447.462.405

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến,
Tp Biên Hòa, Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	10.074.439.142	10.074.439.142	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	19.991.316	19.991.316	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	133.834.338	923.378.724	908.645.451	-	148.567.611
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	145.861.523	138.761.523	-	7.100.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	685.396.627	685.396.627	-	-
Các loại thuế khác	-	-	10.000.000	10.000.000	-	-
	-	133.834.338	11.859.067.332	11.837.234.059	-	155.667.611

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến,
Tp Biên Hòa, Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí khuyến mãi	481.795.865	335.024.422
- Chi phí phải trả khác	217.230.659	105.685.357
	<u>699.026.524</u>	<u>440.709.779</u>

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Nguyễn Thị Kiều Anh (*)	610.000.000	610.000.000
- Nguyễn Hữu Ngọc (*)	269.331.089	269.331.089
- Hà Ngọc Sơn (*)	4.416.993.903	-
- Các khoản phải trả khác	452.234.925	412.256.426
	<u>5.748.559.917</u>	<u>1.291.587.515</u>
(*) Đây là khoản đặt cọc tiền mua nguyên liệu, hàng hóa		
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	294.750.000	250.250.000
	<u>294.750.000</u>	<u>250.250.000</u>

5
Y
N
TOÁN
C
TP. BIÊN HÒA

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến,

Tp Biên Hòa, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai	2.215.000.000	2.215.000.000	11.273.325.943	8.865.000.000	4.623.325.943	4.623.325.943
	<u>2.215.000.000</u>	<u>2.215.000.000</u>	<u>11.273.325.943</u>	<u>8.865.000.000</u>	<u>4.623.325.943</u>	<u>4.623.325.943</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 2016052/HĐTĐ/KHDN ngày 29/06/2016, giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 16.000.000.000 VND
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- + Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ.
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 4.623.325.943 VND
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản là bất động sản, máy móc thiết bị theo các hợp đồng thế chấp sau đây: Hợp đồng thế chấp tài sản số 91/2009/KH2/VCBDNAI ngày 25/08/2009, số 20120152/HĐBĐ/NHNT ngày 13/06/2012, số 20130110/HĐBĐ/NHNT ngày 02/07/2013, số 20130109/HĐBĐ/NHNT ngày 02/07/2013, số 2016028/HĐBĐ/NHNT ngày 29/06/2016.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến,
Tp Biên Hòa, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	19.854.470.000	2.917.157.439	2.326.158.110	3.411.544.994	28.509.330.543
Lãi trong năm trước	-	-	-	3.478.485.837	3.478.485.837
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	341.154.499	(341.154.499)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(170.577.250)	(170.577.250)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.382.536.412)	(2.382.536.412)
Số dư cuối năm trước	19.854.470.000	2.917.157.439	2.667.312.609	3.995.762.670	29.434.702.718
Số dư đầu năm nay	19.854.470.000	2.917.157.439	2.667.312.609	3.995.762.670	29.434.702.718
Lãi trong năm nay	-	-	-	3.516.486.541	3.516.486.541
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	347.848.584	(347.848.584)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(347.848.584)	(347.848.584)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.581.081.100)	(2.581.081.100)
Trích thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành	-	-	-	(101.000.000)	(101.000.000)
Số dư cuối năm nay	19.854.470.000	2.917.157.439	3.015.161.193	4.134.470.943	29.921.259.575

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến,
Tp Biên Hòa, Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên ngày 18/5/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	<u>Số tiền</u>			
	VND			
Lợi nhuận sau thuế từ nhập doanh nghiệp năm 2015				3.478.485.837
Lợi nhuận năm 2014 chuyển sang				517.276.833
Trích Quỹ đầu tư phát triển				347.848.584
Trích thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành				101.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi				347.848.584
Chi trả cổ tức (bằng 13% vốn điều lệ)				2.581.081.100
Lợi nhuận chưa phân phối				617.984.402
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				
	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu năm</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm Đồng Nai (Donafoods) - Công ty mẹ	51,00%	10.126.050.000	51,00%	10.126.050.000
Cổ đông khác	49,00%	9.728.420.000	49,00%	9.728.420.000
	<u>100%</u>	<u>19.854.470.000</u>	<u>100%</u>	<u>19.854.470.000</u>
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận				
		<u>Năm 2016</u>		<u>Năm 2015</u>
		VND		VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		19.854.470.000		19.854.470.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>		19.854.470.000		19.854.470.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>		19.854.470.000		19.854.470.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		2.581.081.100		2.382.536.412
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>		2.581.081.100		2.382.536.412
d) Cổ phiếu				
		<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		1.985.447		1.985.447
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		1.985.447		1.985.447
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		1.985.447		1.985.447
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		1.985.447		1.985.447
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		1.985.447		1.985.447
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		-		-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND				
e) Các quỹ công ty				
		<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>
		VND		VND
Quỹ đầu tư phát triển		3.015.161.193		2.667.312.609
		<u>3.015.161.193</u>		<u>2.667.312.609</u>

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản nhận giữ hộ

- Nguyên vật liệu thuộc các loại nhận ủy thác: 209.022 hộp, còn hạn sử dụng.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	729,37	742,57
- Đồng Euro (EUR)	264,45	264,45

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng sản xuất	73.953.143.014	66.876.560.969
Doanh thu bán hàng kinh doanh	72.772.394.993	101.887.050.382
Doanh thu nhập khẩu ủy thác	661.377.643	794.387.394
Doanh thu cho thuê văn phòng	404.363.728	151.731.934
	147.791.279.378	169.709.730.679

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	359.361.047	-
Hàng bán bị trả lại	1.396.948.175	559.623.790
Giảm giá hàng bán	-	-
	1.756.309.222	559.623.790

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	57.202.547.705	52.422.322.250
Giá vốn của hàng hóa đã bán	69.481.374.583	97.095.352.841
	126.683.922.288	149.517.675.091

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	14.891.260	29.193.540
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	253.427.223	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.560.000	8.550.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	129.048.142	95.533.025
	401.926.625	133.276.565

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐÔNG NAI221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến,
Tp Biên Hòa, Đồng Nai**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	239.182.908	429.406.177
Lỗ chênh lệch tỷ giá	224.470.031	1.750.479.510
	<u>463.652.939</u>	<u>2.179.885.687</u>

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	133.970.366	459.309.509
Chi phí nhân công	4.319.398.106	3.671.532.504
Chi phí khấu hao tài sản cố định	340.260.853	360.058.017
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.188.102.296	1.896.707.434
	<u>7.981.731.621</u>	<u>6.387.607.464</u>

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	71.026.045	119.084.905
Chi phí nhân công	2.945.088.067	3.253.321.357
Chi phí khấu hao tài sản cố định	469.175.520	568.818.819
Thuế, phí, lệ phí	690.396.627	706.069.223
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.991.764.022	2.547.540.226
	<u>7.167.450.281</u>	<u>7.194.834.530</u>

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	9.941.756
Thu tiền đào tạo được sĩ	72.547.000	-
Thu nhập khác	295.786.477	467.105.147
	<u>368.333.477</u>	<u>477.046.903</u>

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	43.566.232
Các khoản bị phạt do vi phạm hành chính	61.900.000	-
Chi phí khác	6.707.864	23.718
	<u>68.607.864</u>	<u>43.589.950</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến,

Tp Biên Hòa, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.439.865.265	4.436.837.635
Các khoản điều chỉnh tăng	181.588.355	97.181.476
- Chi phí không được trừ	181.588.355	97.181.476
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.560.000)	(8.550.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(4.560.000)	(8.550.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.616.893.620	4.525.469.111
Hoạt động kinh doanh (phần đầu tư mở rộng sau cổ phần hóa)	-	2.662.898.825
Hoạt động kinh doanh bình thường (phần ưu đãi do cổ phần hóa)	-	1.862.570.286
Thuế suất thuế TNDN	20%	
Hoạt động kinh doanh (phần đầu tư mở rộng sau cổ phần hóa)	-	22%
Hoạt động kinh doanh bình thường (phần ưu đãi do cổ phần hóa)	-	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	923.378.724	958.351.799
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	133.834.338	(632.370.051)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(908.645.451)	(192.147.410)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	148.567.611	133.834.338

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	3.516.486.541	3.478.485.837
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.516.486.541	3.478.485.837
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.985.447	1.985.447
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.771	1.752

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.864.696.859	45.935.544.360
Chi phí nhân công	12.795.521.878	12.433.202.590
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.667.806.949	1.690.413.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.179.866.318	4.444.247.661
Chi phí khác bằng tiền	2.056.701.689	2.110.202.231
	70.564.593.693	66.613.610.380

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.337.240.265	-	1.933.335.372	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.187.090.327	-	25.951.082.576	-
Đầu tư dài hạn	11.400.000	-	11.400.000	-
	21.535.730.592	-	27.895.817.948	-

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	4.623.325.943	2.215.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	31.475.901.279	36.989.299.920
Chi phí phải trả	699.026.524	440.709.779
	36.798.253.746	39.645.009.699

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến,
Tp Biên Hòa, Đồng Nai**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.337.240.265	-	-	1.337.240.265
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.130.580.147	56.510.180	-	20.187.090.327
Đầu tư dài hạn	-	11.400.000	-	11.400.000
	21.467.820.412	67.910.180	-	21.535.730.592
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.933.335.372	-	-	1.933.335.372
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.894.572.396	56.510.180	-	25.951.082.576
Đầu tư dài hạn	-	11.400.000	-	11.400.000
	27.827.907.768	67.910.180	-	27.895.817.948

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến,
Tp Biên Hòa, Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	4.623.325.943	-	-	4.623.325.943
Phải trả người bán, phải trả khác	31.181.151.279	294.750.000	-	31.475.901.279
Chi phí phải trả	699.026.524	-	-	699.026.524
	<u>36.503.503.746</u>	<u>294.750.000</u>	<u>-</u>	<u>36.798.253.746</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	2.215.000.000	-	-	2.215.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	36.739.049.920	250.250.000	-	36.989.299.920
Chi phí phải trả	440.709.779	-	-	440.709.779
	<u>39.394.759.699</u>	<u>250.250.000</u>	<u>-</u>	<u>39.645.009.699</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	11.273.325.943	8.000.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	8.865.000.000	12.785.000.000

33 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh dược phẩm, diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI221B Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến,
Tp Biên Hòa, Đồng Nai**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Trả cổ tức		1.316.386.500	1.215.093.564
Công ty CP Chế biến XNK-NSTP Đồng Nai	Công ty mẹ	1.316.386.500	1.215.093.564
		Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		745.401.923	855.540.036
Thù lao, thưởng HĐQT, Ban kiểm soát		149.000.000	203.500.000

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) kiểm toán.



Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập

Phạm Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Nga
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 03 năm 2017

HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973

E: aaschn@hn.vnn.vn

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

T: (84) 8 3945 0505 - (84) 8 3945 0606 | F: (84) 8 3945 1106

E: aaschcm@aasc.com.vn

A: Lầu 03, Tòa nhà Galaxy 9, Số 09 Nguyễn Khoái, Phường 01, Quận 04, Tp.HCM

AASC TẠI QUẢNG NINH

T: (84) 33 3627 571 | F: (84) 33 3627 572

E: aascqn@aasc.com.vn

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh